TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/DS-ST
Ngày: 08/5/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Kính.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 267/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Có đơn xin vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà T, sinh năm 1999 theo Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2022.

(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông HT, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông L, sinh năm 1980; Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2022 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn Bà H có đại diện theo ủy quyền bà T trình bày: Bà H và Ông HT là bạn bè quen biết với nhau nhiều năm liền. Trong quá trình quen biết, ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại địa chỉ số 78-80 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Bà H có cho Ông HT vay số tiền là 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng, thời hạn vay là từ ngày 25 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 03 năm 2022 với mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là 0%. Ông HT cam kết sẽ trả tất cả số tiền vay cho Bà H khi đến hạn. Tuy nhiên, đến nay Ông HT vẫn chưa thanh toán khoản nợ cho Bà H. Mặc dù, Bà H liên tục yêu cầu Ông HT thanh toán nợ, nhưng Ông HT luôn trốn tránh, không thanh toán nợ cho Bà H và cũng không có thiện chí để trả. Vì vậy, Bà H yêu cầu Tòa án buộc một mình Ông HT phải thanh toán cho Bà H tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2023 là 2.105.010.000 (hai tỷ một trăm lẻ năm triệu không trăm mười ngàn) đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng và tiền lãi quá hạn 1.900.000.000 đồng x 0,83% x 13 tháng = 205.010.000 (Hai trăm lẻ năm triệu không trăm mười ngàn) đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Số tiền Bà H cho Ông HT vay là tài sản riêng không liên quan đến chồng Bà H là ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L trình bày: Ông L và Bà H là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 do Ủy ban nhân Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/6/2016. Bà H và Ông HT là bạn bè quen biết với nhau nhiều năm liền nên có đến địa chỉ số 78-80 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh để ký hợp đồng vay tiền. Cụ thể số tiền cho Ông HT vay là 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng, thời hạn vay là từ ngày 25 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 03 năm 2022 với mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là 0%. Ông L có làm chứng và ký tên trong hợp đồng vay tiền giữa Bà H và Ông HT. Theo hợp đồng vay tiền, Ông HT cam kết sẽ trả tất cả số tiền vay cho Bà H khi đến hạn. Tuy nhiên, đến nay Ông HT vẫn chưa thanh toán khoản nợ cho Bà H. Tại tòa, Ông L xác định số tiền 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu) đồng mà Bà H cho Ông HT vay mượn là tài sản riêng của Bà H, hoàn toàn không liên quan gì đến tài sản chung của vợ chồng. Ông L cam kết lời khai là đúng sự thật và cam kết không tranh chấp, không có yêu cầu gì cũng như không thắc mắc, khiếu nại gì sau này.

Bị đơn Ông HT đã được Tòa án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Ông HT vẫn vắng mặt không đến Tòa trình bày yêu cầu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dụng vụ án căn cứ vào Hợp đồng cho vay tiền ngày 25/01/2022 giữa Bà H và Ông HT đã thể hiện Ông HT có vay của Bà H số tiền là 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng, mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là 0%, thời hạn vay kể từ ngày 25/01/2022 đến ngày 31/3/2022. Ông HT chưa thanh toán cho Bà H số tiền trên. Vì vậy, Bà H yêu cầu Ông HT trả số phải thanh toán cho Bà H tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2023 là 2.105.010.000 (hai tỷ một trăm lẻ năm triệu không trăm mười ngàn) đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng và tiền lãi quá hạn là 205.010.000 (hai trăm lẻ năm triệu không trăm mười ngàn) đồng là có cơ sở. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Bà H, đại diện theo ủy quyền của Bà H là bà T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/3/2023 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/12/2022. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bà H, bà Thắm và Ông L.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh: "*Đ/s Nguyễn Biện Hoàng Trung, sinh năm 1983, HKTT: 23/3B Lương Văn Can, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh hiện đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 2 năm 2022 đến nay không rõ đi đâu"*. Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 25/01/2022 có ghi địa chỉ của Ông HT, sinh năm 1983, địa chỉ: 23/3B Lương Văn Can, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án xác định địa chỉ Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của Ông HT theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án. Bà H ghi địa chỉ của Ông HT trong đơn khởi kiện theo địa chỉ trên là ghi đúng trong giao dịch, hợp đồng giữa Bà H và Ông HT. Ông HT đi khỏi địa phương không thông báo cho chính quyền địa phương và cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình dấu địa chỉ và tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án. Bị đơn Ông HT đã được Tòa án nhân dân Quận 8 tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã có biên bản làm việc với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T về việc thực hiện thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là bà Thắm có trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên không thực hiện được theo yêu cầu của Tòa. Xét việc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng có thể được thực hiện nếu có yêu cầu của đương sự. Bà H có đại diện theo ủy quyền là bà Thắm không yêu cầu thủ tục này do kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở thực hiện điều này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy bị đơn Ông HT đã vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ hai. Tòa án nhân dân Quận 8 tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ông HT là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà H yêu cầu Ông HT trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2023 là 2.105.010.000 (hai tỷ một trăm lẻ năm triệu không trăm mười ngàn) đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng và tiền lãi quá hạn 1.900.000.000 đồng x 0,83% x 13 tháng = 205.010.000 (Hai trăm lẻ năm triệu không trăm mười ngàn) đồng. Phát sinh từ Hợp đồng cho vay tiền ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa Bà H và Ông HT. Vì vậy, quan hệ pháp luật được Tòa án xác định là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Ông HT cư trú tại Quận 8, vì vậy vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về các yêu cầu và trách nhiệm của đương sự:

[3.1]. Về việc giao kết hợp đồng và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng cho vay tiền ngày ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa Bà H và Ông HT:

Căn cứ vào chứng cứ, cùng lời thừa nhận của đương sự có đủ cơ sở xác định Bà H và Ông HT đã xác lập hợp đồng cho vay tiền ngày 25/01/2022. Cụ thể những thỏa thuận trong hợp đồng cho vay tiền là: số tiền vay là 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng; mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là 0%; thời hạn vay tiền kể từ ngày 25/01/2022 đến ngày 31/3/2022. Ông HT chưa thanh toán cho Bà H số tiền trên. Nên Bà H yêu cầu Ông HT trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2023 là 2.105.010.000 (hai tỷ một trăm lẻ năm triệu không trăm mười ngàn) đồng trong đó số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 (Một tỷ chín trăm triệu) đồng và số tiền lãi quá hạn là 205.010.000 (hai trăm lẻ năm triệu không trăm mười ngàn) đồng. Hợp đồng này là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi đúng theo Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Hợp đồng này đã phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm giao kết theo như thỏa thuận của các bên và Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2]. Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Như đã phân tích ở trên thì hợp đồng cho vay tiền ngày ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa Bà H và Ông HT phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết. Các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau như cam kết. Bà H đã giao tài sản cho Ông HT như cam kết. Xét nội dung thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn theo Hợp đồng vay tài sản nêu trên thì hợp đồng vay tài sản giữa Bà H và Ông HT là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, theo khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý".*

Theo nội dung thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng vay tài sản thì thời hạn vay từ ngày 25/01/2022 đến ngày 31/3/2022. Như vậy, nghĩa vụ trả nợ của Ông HT phát sinh từ ngày 01/4/2022. Theo lời khai của nguyên đơn xác định hết thời hạn vay ngày 31/3/2022 bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết theo hợp đồng cho nguyên đơn. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thời hạn đã thỏa thuận của bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 *"bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…"* và vi phạm hợp đồng đã ký giữa hai bên, Bà H có quyền yêu cầu Ông HT thực hiện nghĩa vụ trả tiền đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký.

[3.3]. Về yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền vốn gốc, lãi và phương thức thanh toán:

Xét yêu cầu của Bà H yêu cầu Ông HT phải thanh toán cho Bà H tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2023 là 2.105.010.000 (hai tỷ một trăm lẻ năm triệu không trăm mười ngàn) đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng và tiền lãi quá hạn 1.900.000.000 đồng x 0,83% x 13 tháng = 205.010.000 (hai trăm lẻ năm triệu không trăm mười ngàn) đồng. Cách tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực thì như phân tích trên yêu cầu này là có căn cứ chấp nhận Ông HT phải có nghĩa vụ trả ngay số tiền trên do thời hạn thiếu nợ đã lâu.

[3.4]. Hợp đồng vay tiền được ký kết giữa Bà H với Ông HT nên Bà H chỉ yêu cầu Ông HT thanh toán số tiền không liên quan đến ai khác thì lời trình bày này phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ buộc một mình Ông HT có nghĩa vụ trả cho Bà H số tiền trên.

[3.5]. Xét lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L là số tiền 1.900.000.000 (Một tỷ chín trăm triệu) đồng là tài sản riêng của Bà H, Ông L không liên quan đến khoản vay này là phù hợp với lời trình bày của Bà H

về tài sản chung, riêng của vợ chồng. Ông L không có yêu cầu đối với khoản tiền Bà H cho Ông HT vay trong vụ án này nên không xét. Ông L là chồng Bà H ký vào giấy vay tiền với tư cách người làm chứng. Tuy nhiên, xét việc làm chứng này là không khách quan, mặt khác hợp đồng vay tiền giữa Bà H và Ông HT đã rõ ràng, Ông L cũng đã có lời khai tại Tòa nên không cần thiết xác định tư cách tham gia tố tụng của Ông L là người làm chứng và sự vắng mặt của Ông L tại phiên tòa không làm cản trở việc làm rõ các tình tiết khách quan của vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định.

[4]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí. Ông HT phải chịu án phí trên số tiền thanh toán cho Bà H.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 180, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Khoản 3 Điều 5 và khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án;

- Căn cứ khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: vắng mặt đối với nguyên đơn Bà H, người đại diện theo ủy quyền của Bà H là bà T, bị đơn Ông HT và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà H.

2. Buộc Ông HT có trách nhiệm thanh toán cho Bà H số tiền là 2.105.010.000 (hai tỷ một trăm lẻ năm triệu không trăm mười ngàn) đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng và tiền lãi quá hạn là 205.010.000 (hai trăm lẻ năm triệu không trăm mười ngàn) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông HT phải chịu số tiền là 74.100.200 (bảy mươi bốn triệu một trăm ngàn hai trăm) đồng, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà H không phải chịu án phí. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 35.446.200 (Ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm) đồng cho Bà H đã nộp theo biên lai thu số 0017716 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án; Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Cao Sơn